BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc

Khoá học: 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1119/QĐ-ĐHPĐ-ĐT ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Ngôn ngữ Hàn Quốc	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Khoa Ngoại ngữ	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-ngon-ngu-va-van-hoa-han	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7220210	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	

Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,5 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thức tập thực tế

Ngôn ngữ giảng dạy chính
Tiếng Hàn & Tiếng Việt
Ngôn ngữ dùng để đánh giá
Tiếng Hàn & Tiếng Việt

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	03	0	0	3	
2	Phó giáo sư	07	01	0	8	
3	Tiến sĩ	10	01	0	11	
4	Thạc sĩ	35	03	02	43	
5	Cử nhân	01	0	01	01	
TỔNG CỘNG		**61**	**05**	**0**	**66**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên văn phòng/Trợ lý đối;
- Giảng dạy tiếng Hàn (sau khi hoàn thành chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm);
- Biên dịch viên/Phiên dịch viên;
- Chuyên viên trong các lĩnh vực chuyên môn đặc thù có sử dụng tiếng Hàn.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc được xây dựng trên nền tảng triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông, hướng tới đào tạo người học có đạo đức, tư duy độc lập, năng lực tiếng Hàn vững vàng và tinh thần học tập suốt đời; kết hợp giá trị văn hóa phương Đông với phương pháp giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm; gắn kiến thức ngôn ngữ, văn hóa với thực tiễn nghề nghiệp, tăng cường trải nghiệm, giao tiếp và giải quyết vấn đề; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo và phương pháp học tập chủ động; hình thành năng lực thích ứng, tác phong chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập và thị trường lao động.
4b. Mục tiêu của CTĐT
Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc là chương trình được thiết kế nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực lấy ứng dụng thực tiễn làm trọng tâm, gắn với sứ mệnh và mục tiêu "Vững bước vươn xa, bền bỉ trưởng thành" của Trường Đại học Phương Đông; đào tạo cử nhân có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học tiếng Hàn và các kiến thức nền tảng về văn hóa, văn học, xã hội, lịch sử Hàn Quốc. Cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc sử dụng thành thạo tiếng Hàn để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục tiếng Hàn và tiếng Hàn kinh doanh thương mại. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc được xây dựng nền tảng căn bản để

doanh thương mại. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc được xây dựng nền tảng căn bản để nuôi dưỡng khả năng học tập suốt đời, phát triển bản thân, có năng lực, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội để thích ứng với môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh toàn cầu hóa.	
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Áp dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kiến thức khoa học xã hội và các kiến thức nền tảng góp phần phát triển năng lực toàn diện và định hướng nghề nghiệp.
PLO 2	Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội Hàn Quốc để phân tích các hiện tượng ngôn ngữ, văn hóa, phục vụ hiệu quả cho hoạt động học thuật, giao tiếp và làm việc trong môi trường liên văn hóa Hàn - Việt.
PLO 3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành sâu để phân tích các vấn đề chuyên môn trong môi trường nghề nghiệp.
Kỹ năng:	
PLO 4	Vận dụng kỹ năng tiếng Hàn để nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp đến trung cấp; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ biên dịch và phiên dịch cơ bản trong môi trường học tập và làm việc.
PLO 5	Vận dụng thành thạo các kỹ năng tiếng Hàn ở mức độ nâng cao (bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương TOPIK 4) và nghiệp vụ chuyên môn sâu để phân tích các tình huống công việc, đáp ứng yêu cầu của từng định hướng nghề nghiệp.
PLO 6	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp để truyền đạt thông tin hiệu quả, xử lý các tình huống thực tiễn trong công việc và học tập.
PLO 7	Sử dụng công nghệ số (bao gồm các ứng dụng trí tuệ nhân tạo) và kỹ năng ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.
PLO 8	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và năng lực nghiên cứu khoa học để phân tích, đánh giá vấn đề, đề xuất ý kiến và đưa ra giải pháp phù hợp trong hoạt động học tập và nghề nghiệp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
PLO 9	Thể hiện trách nhiệm công dân, tuân thủ các quy định pháp luật và có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Tiếng Hàn kinh doanh thương mại và Giáo dục tiếng Hàn.
PLO 10	Chủ động tham gia vào hoạt động học tập và công việc, hoạch định kế hoạch và làm việc hiệu quả, thích ứng với môi trường nghề nghiệp và hướng tới học tập suốt đời.
4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa	
- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. - Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.	
ii) Các vấn đề khác	

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).
- Đối sánh CTĐT với các trường:

  + Trong nước: Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS); Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc - Trường Đại học Hà Nội (HANU); Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc - Trường Đại học Văn Lang (VLU).

  + Nước ngoài: Chương trình đào tạo ngành Hàn Quốc học - Trường Đại học Thammasat - Bangkok, Thái Lan.

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 134 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
   - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
   - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
   - Khá: từ 2.50 đến 3.19
   - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	FOS724001	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 1	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2		FOS724002	Nghe - Đọc tiếng Hàn 1	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
3		FOS724003	Nói - Viết tiếng Hàn 1	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
4		POL710001	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5		SPO760001	Giáo dục thể chất	0						BB	Không	Không	Không
6	2	FOS724004	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 2	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724001
7		FOS734004	Thực hành chỉnh sửa phát âm tiếng Hàn	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724001 FOS724002
8		ITE710001	Kỹ năng số	2	60	0	60	0	0	BB	Không	Không	Không
9		POL710002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0	0	0	BB	POL710001	Không	Không
10		VNS721001	Ngôn ngữ và văn hoá	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
11	3	FOS724005	Nghe - Đọc tiếng Hàn 2	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724002
12		FOS724006	Nói - Viết tiếng Hàn 2	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724003
13		ITE710002	Khám phá AI	2	60	0	60	0	0	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
14		POL710003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	BB	POL710002	Không	Không
15		VNS710003	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
16	4	FOS710101	Tiếng Anh 1	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	Không
17		FOS710201	Tiếng Trung 1	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	Không
18		FOS710301	Tiếng Nhật 1	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	Không
19		FOS724007	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 3	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724004
20		FOS724008	Nghe - Đọc tiếng Hàn 3	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724005
21		FOS724009	Nói - Viết tiếng Hàn 3	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724006
22		POL710004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	POL710003
		Tự chọn 1 môn (2 tín chỉ)											
23		FOS734006	Xã hội Hàn Quốc	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
24		FOS734007	Lịch sử Hàn Quốc	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
25		FOS734010	Giao tiếp liên văn hoá	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
26	5	FOS710102	Tiếng Anh 2	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	FOS710101
27		FOS710202	Tiếng Trung 2	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	FOS710201

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
28		FOS710302	Tiếng Nhật 2	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	FOS710301
29		FOS724010	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 4	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724007
30		LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
31		MIL760001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	0	0					BB	Không	Không	Không
32		POL710005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	POL710004
33	6	FOS710103	Tiếng Anh 3	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	FOS710102
34		FOS710203	Tiếng Trung 3	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	FOS710202
35		FOS710303	Tiếng Nhật 3	3	60	30	30	0	0	TCBB	Không	Không	FOS710302
36		FOS724011	Nghe - Đọc tiếng Hàn 4	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724008
37		FOS734008	Văn học Hàn Quốc	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
38		FOS734009	Văn hoá đại chúng Hàn Quốc	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
39		FOS734011	Đàm thoại tiếng Hàn	2	30	30	0	0	0	TC	Không	Không	Không
		Định hướng Giáo dục tiếng Hàn											
40		FOS734019	Giáo dục học tiếng Hàn	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
41		FOS734020	Lý luận tiếp thu ngoại ngữ	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		Định hướng Tiếng Hàn thương mại											
42		FOS734013	Tiếng Hàn thương mại	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
43		FOS734015	Tiếng Hàn du lịch	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
44	7	FOS724012	Nói - Viết tiếng Hàn 4	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724009
45		FOS734002	Biên dịch Hàn - Việt cơ bản	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
46		VNS710004	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
		Định hướng Giáo dục tiếng Hàn											
47		FOS734023	Thiết kế bài giảng tiếng Hàn	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
48		FOS734024	Lý luận giáo trình tiếng Hàn	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
		Định hướng Tiếng Hàn thương mại											
49		FOS734012	Tiếng Hàn Marketing	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
50		FOS734016	Tiếng Hàn tài chính kế toán	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
51	8	FOS724013	Tiếng Hàn nâng cao 1 (Từ vựng - Ngữ pháp)	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724010
52		FOS734003	Phiên dịch Hàn - Việt cơ bản	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
53		FOS734005	Hán tự tiếng Hàn	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
		Định hướng Giáo dục tiếng Hàn											
54		FOS734022	Ngôn ngữ học ứng dụng	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
55		FOS734025	Lý luận đánh giá năng lực tiếng Hàn	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
		Định hướng Tiếng Hàn thương mại											
56		FOS734014	Tiếng Hàn thư tín thương mại	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
57		FOS734017	Biên dịch Hàn - Việt nâng cao	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS734002
58	9	FOS710006	Khởi nghiệp	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
59		FOS724014	Tiếng Hàn nâng cao 2 (Nghe - Đọc)	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724011
60		FOS724015	Tiếng Hàn nâng cao 3 (Nói - Viết)	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS724012
61		FOS734001	Tiếng Hàn báo chí truyền thông	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
		Định hướng Giáo dục tiếng Hàn											
62		FOS734021	Thiết kế giáo án và thực hành	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	Không
		Định hướng Tiếng Hàn thương mại											
63		FOS734018	Phiên dịch Hàn - Việt nâng cao	3	45	45	0	0	0	BB	Không	Không	FOS734003

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
64	10	FOS744001	Thực tập tốt nghiệp	4						BB	Không	Không	Không
65		FOS754001	Khoá luận tốt nghiệp	8									Không
Các học phần thay thế Khoá luận tốt nghiệp													
		Định hướng Giáo dục tiếng Hàn											
66		FOS774003	Phương pháp giảng dạy văn hoá Hàn Quốc	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không
67		FOS774004	Quy phạm ngôn ngữ tiếng Hàn	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không
		Định hướng Tiếng Hàn thương mại											
68		FOS774001	Tiếng Hàn giao tiếp thương mại	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không
69		FOS774002	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc thuộc hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo đại học. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua đó, học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			pháp luận biện chứng duy vật, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực vận dụng các kiến thức triết học Mác - Lênin vào hoạt động nhận thức, cũng như thực tiễn học tập.
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần giúp người học nắm vững, giải thích được những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nội dung học phần tập trung vào các nhóm vấn đề: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong quá trình xây dựng xã hội XHCN (dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp, liên minh giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH). Kiến thức của học phần là cơ sở để người học nhận diện, vận dụng kiến thức chủ nghĩa xã hội khoa học và lý giải một số vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức công dân và trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để người học tiếp cận về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; liên hệ các nội dung cơ bản và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và con người. Kiến thức của học phần góp phần hình thành tư duy độc lập, năng lực liên hệ và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, rèn luyện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của người học đối với cộng đồng, đất nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng; vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải các chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ. Nội dung học phần tập trung vào quá trình thành lập Đảng; sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến và kiến quốc; xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng, học phần giúp người học hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề lịch sử – chính trị và vận dụng những bài học lịch sử vào nhận thức các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.
6.	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng về nhà nước, pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần giúp người học trình bày, giải thích nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu và hình thức của

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nhà nước và pháp luật; nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; vận dụng quy định pháp luật để xử lý tình huống pháp lý đơn giản. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tố tụng. Qua học phần, người học hình thành khả năng lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm công dân.
7.	Ngôn ngữ và văn hoá	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngôn ngữ và văn hóa phục vụ cho việc học ngoại ngữ. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các khái niệm cốt lõi về văn hóa của cộng đồng người đang sử dụng thứ tiếng mà mình đang học. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên có kỹ năng để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt về văn hóa của các dân tộc được thể hiện qua ngôn ngữ góp phần thực hiện các kỹ năng nghề chuyên sâu trong lĩnh vực, chuyên môn được đào tạo. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên vận dụng được môn học này như tri thức nền trong quá trình học ngoại ngữ để hình thành năng lực nghiên cứu, tự học, sáng tạo, chủ động và thích ứng trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.
8.	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học	3	Học phần Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về các phương pháp nghiên cứu khoa học. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các khái niệm cốt lõi về cách thức tiến hành một nghiên cứu để sớm hình thành năng lực tự học, sáng tạo, chủ động và thích ứng trong học tập và nghiên cứu. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên có kỹ năng cơ bản để vận dụng trong việc phát triển nhận thức khoa học về thế giới, góp phần thực hiện các kỹ năng nghề chuyên sâu trong lĩnh vực, chuyên môn được đào tạo. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên có năng lực vận dụng hệ thống lý thuyết đã học để tiếp cận, trình bày các nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc một cách logic và chuyên nghiệp.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
9.	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp những kiến thức nền về ngôn ngữ học hiện đại và quá trình phát triển của nó. Ở cấp độ cơ bản, học phần này trang bị cho người học các phương pháp ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đang được sử dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ học. Ở cấp độ nâng cao, học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng so sánh đối chiếu phục vụ thực tiễn cho việc dạy và học ngoại ngữ đặc biệt là hiểu rõ về giao thoa ngôn ngữ và phân tích lỗi. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên có thể bước đầu biết vận dụng lí thuyết, áp dụng các phương pháp đối chiếu đã học để tìm hiểu sự giống và khác nhau cơ bản của tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ khác phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu ngoại ngữ.
10.	Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 1	3	Học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 1 là học phần đầu tiên trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate), bao gồm từ vựng, ngữ pháp và các chức năng giao tiếp cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào các thì hiện tại, quá khứ, hiện tại hoàn thành và các hình thức diễn đạt tương lai, mệnh đề quan hệ xác định, cấu trúc so sánh, đại từ và lượng từ bất định; đồng thời mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về gia đình, ẩm thực, du lịch, mua sắm và đời sống hằng ngày. Người học phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, tạo nền tảng cho học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 2.
11.	Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 2	3	Học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 2 là học phần thứ hai trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate), giúp người học mở rộng vốn từ vựng

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			theo các chủ đề về sức khỏe, giáo dục, thể thao, động vật, các quốc gia và các mối quan hệ. Nội dung học phần tập trung vào các điểm ngữ pháp như động từ nguyên mẫu và danh động từ, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện loại 1 và loại 2, hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, thể bị động, câu tường thuật, cấu trúc used to và các cách diễn đạt sự chuyển động. Người học tiếp tục phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, tạo tiền đề cho học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 3.
12.	Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) 3	3	Học phần Tiếng Anh (Ngoại ngữ 2) HP 3 là học phần thứ ba và là học phần cuối trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ trung cấp (Intermediate), giúp người học củng cố và mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về ẩm thực, tiền tệ, giao thông, thể thao, gia đình và các mối quan hệ. Nội dung học phần tập trung vào các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn, mạo từ, cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và các cấu trúc diễn đạt thường dùng trong giao tiếp. Người học phát triển toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, góp phần phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, khả năng tự học và sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghề nghiệp và giao tiếp liên văn hóa, hướng tới đạt Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
13.	Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) 1	3	Tiếng Trung (Ngoại Ngữ 2) - HP1 Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ Hán, từ vựng và ngữ pháp tiếng Trung ở trình độ sơ cấp. Nội dung gồm các chủ đề giao tiếp quen thuộc như giới thiệu bản thân, gia đình, học tập, thời gian, địa

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			điểm và sinh hoạt hằng ngày. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên nhận diện và phát âm đúng âm tiết, thanh điệu, đọc và viết các chữ Hán thông dụng, sử dụng câu đơn và mẫu câu cơ bản. Ở cấp độ nâng cao trong phạm vi học phần, sinh viên kết hợp các cấu trúc để nghe, đọc, trao đổi thông tin và viết đoạn ngắn. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên thực hiện nhiệm vụ giao tiếp, ghi âm, sử dụng học liệu số và tự đánh giá kết quả học tập. Học phần tạo nền tảng cho Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) HP2.
14.	Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) 2	3	Tiếng Trung (Ngoại Ngữ 2) - HP2 Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng tiếng Trung ở trình độ sơ cấp, mở rộng từ vựng và ngữ pháp theo các chủ đề học tập, thời tiết, gọi đồ uống, giải trí, sân bay, tiếp đón, ăn uống, đi lại, du lịch, trang phục và giao tiếp khi đến nhà bạn. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên củng cố chữ Hán và cấu trúc đã học. Ở cấp độ nâng cao trong phạm vi học phần, sinh viên nghe, đọc ngữ liệu dài hơn, sử dụng câu liên kết và phản hồi phù hợp. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên thực hiện nhiệm vụ giao tiếp theo bối cảnh thực tế, ghi âm, viết đoạn ngắn và tự đánh giá. Học phần tạo tiền đề cho Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) HP3.
15.	Tiếng Trung (Ngoại ngữ 2) 3	3	Tiếng Trung (Ngoại Ngữ 2) - HP3 Học phần củng cố và mở rộng kiến thức tiếng Trung ở trình độ sơ cấp nâng cao, tập trung vào các chủ đề sinh nhật, thể thao, so sánh, mua sắm, chuẩn bị thi, ẩm thực, khí hậu, học tiếng Trung, Tết và trải nghiệm du lịch. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên hệ thống hóa chữ Hán, từ vựng và cấu trúc đã học. Ở cấp độ nâng cao trong phạm vi học phần, sinh viên sử dụng câu phức, bổ ngữ và cấu trúc so sánh để nghe, đọc, trình bày thông tin và kể trải nghiệm. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên thực hiện nhiệm vụ giao tiếp tổng hợp, phản hồi phù hợp về văn hóa, tự đánh giá và xây dựng kế hoạch duy trì ngoại ngữ thứ hai. Học phần hướng tới chuẩn đầu ra Ngoại ngữ 2 của chương trình đào tạo.
16.	Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 1	3	Học phần Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 1 là học phần đầu tiên trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Nhật tại

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Trường Đại học Phương Đông. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp bao gồm hệ thống chữ viết Hiragana, Katakana và một số chữ Hán cơ bản, từ vựng, ngữ pháp và các mẫu hội thoại giao tiếp thường gặp. Nội dung học phần tập trung vào các mẫu câu cơ bản như câu khẳng định, phủ định, nghi vấn, động từ ở thể lịch sự, tính từ, trợ từ, cách diễn đạt thời gian, địa điểm, số lượng và các biểu hiện giao tiếp trong đời sống hằng ngày. Đồng thời, người học mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề như bản thân, gia đình, trường học, nghề nghiệp, mua sắm, ăn uống và sinh hoạt thường nhật. Người học phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, tạo nền tảng cho học phần Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 2.
17.	Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 2	3	Học phần Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 2 là học phần thứ hai trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Nhật tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp (tương đương bài 5-bài 10 Minna 1), giúp người học mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về giao thông, du lịch, sức khỏe, thời tiết, sở thích, công việc và các hoạt động thường ngày. Nội dung học phần tập trung vào các điểm ngữ pháp như thể て, thể ない,... cách diễn đạt mong muốn, cho – nhận, kinh nghiệm, so sánh, nguyên nhân – kết quả và các mẫu câu diễn đạt kế hoạch, dự định. Người học tiếp tục phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, tạo tiền đề cho học phần Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 3.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
18.	Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 3	3	Học phần Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 2) 3 là học phần thứ ba và là học phần cuối trong chuỗi ba học phần Ngoại ngữ 2 dành cho sinh viên các ngành ngôn ngữ không chuyên tiếng Nhật tại Trường Đại học Phương Đông. Học phần tiếp tục phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp (tương đương bài 11-15 Minna 1), giúp người học củng cố và mở rộng vốn từ vựng theo các chủ đề về văn hóa, du lịch, giáo dục, môi trường, công việc, đời sống xã hội và giao tiếp liên văn hóa. Nội dung học phần tập trung vào các điểm ngữ pháp như thể điều kiện, thể bị động, thể sai khiến, thể sai khiến bị động, kính ngữ và khiêm nhường ngữ cơ bản, các mẫu câu biểu thị mục đích, nguyên nhân, giả định, so sánh và trình bày ý kiến. Người học phát triển toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua phương pháp giao tiếp, học tập theo nhiệm vụ kết hợp ứng dụng công nghệ số và học liệu trực tuyến. Học phần được thiết kế theo ba cấp độ: kiến thức cơ bản, nâng cao và mở rộng, góp phần phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Nhật, tư duy phản biện, khả năng tự học và sử dụng tiếng Nhật trong học tập, nghề nghiệp và giao tiếp liên văn hóa.
19.	Kỹ năng số	2	Môn học gồm 6 modules - Module 1: Khai thác dữ liệu và thông tin, hướng dẫn sinh viên kỹ năng duyệt, tìm kiếm và trích xuất dữ liệu. Hướng dẫn sinh viên thiết lập quy trình sao lưu, áp dụng các phương pháp bảo mật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu an toàn - Module 2: giao tiếp và hợp tác trong môi trường số. Hướng dẫn sinh viên cách hợp tác trong công việc và học tập trong môi trường số. Hiểu và áp dụng các nguyên tắc ứng xử trên mạng, quản lý danh tính số và các dịch vụ công một cách hiệu quả. - Module 3: ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI. Hướng dẫn sinh viên thực hiện viết Prompt và sử dụng các công cụ AI tạo sinh để xây dựng các sản phẩm số. Đánh giá và nhận dạng các vấn đề quyền riêng tư, đạo đức và bản quyền khi sử dụng các công cụ AI tạo sinh.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			- Module 4: sáng tạo nội dung số. Hướng dẫn sinh viên cách xác định mục tiêu của nội dung số và lập kế hoạch xây dựng nội dung số. Áp dụng các công cụ để viết nội dung, kịch bản và thiết kế, xây dựng các sản phẩm số. Trong quá trình xây dựng sản phẩm số, sinh viên xác định được các thành phần có bản quyền và áp dụng các giấy phép bản quyền phù hợp. - Module 5: giải quyết vấn đề. Hướng dẫn sinh viên cách xác định các lỗi về phần cứng, phần hướng dẫn cách sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu, mô hình hóa định lượng cũng như trình bày nội dung học thuật một cách chuyên nghiệp. - Module 6: an toàn trên môi trường số. Hướng dẫn cho sinh viên các nguy cơ khi sử dụng mạng Internet, các loại hình tấn công dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo vệ. Hướng dẫn cách bảo vệ sức khỏe khi sử dụng các thiết bị điện từ cũng như bảo về môi trường khỏi tác động của công nghệ số.
20.	Khám phá AI		**Môn học bao gồm 6 chương** **Chương 1:** tổng quan về trí tuệ nhân tạo. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI, cơ chế hoạt động và sự phát triển của AI trong bối cảnh chuyển đổi số. Hướng dẫn sinh viên nhận diện khả năng, giới hạn và tác động của AI đối với học tập, nghề nghiệp và xã hội. **Chương 2:** năng lực hiểu biết AI. Hướng dẫn sinh viên hình thành năng lực hiểu, đánh giá và kiểm chứng đầu ra của AI. Nhận diện các rủi ro liên quan đến độ tin cậy, bảo mật dữ liệu, đạo đức, bản quyền và trách nhiệm khi sử dụng AI trong học tập và công việc. **Chương 3**: kỹ thuật Prompting: giao tiếp, kiểm soát và cộng tác với AI. Hướng dẫn sinh viên xây dựng prompt hiệu quả và cải thiện kết quả đầu ra thông qua quá trình tương tác với AI. Áp dụng các kỹ thuật prompting để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giải quyết các công việc thực tế.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			Chương 4: từ Transformer đến AI tạo sinh văn bản. Giới thiệu nguyên lý tạo sinh văn bản của các mô hình ngôn ngữ hiện đại. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI tạo sinh để xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung phục vụ học tập và công việc. Trong quá trình sử dụng AI, sinh viên đánh giá độ tin cậy của thông tin và thực hiện các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm. **Chương 5:** từ AI Code Assistant đến công cụ No-Code / Low-Code. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI như một trợ lý hỗ trợ lập trình và phát triển sản phẩm số. Áp dụng AI để xây dựng các ứng dụng đơn giản, đồng thời đánh giá và kiểm soát chất lượng kết quả do AI tạo ra trong quá trình cộng tác với AI. **Chương 6:** từ Diffusion đến AI tạo sinh hình ảnh và video. Giới thiệu nguyên lý tạo sinh hình ảnh bằng AI và các ứng dụng trong thực tiễn. Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI để xây dựng các sản phẩm hình ảnh phục vụ học tập và công việc. Trong quá trình sáng tạo, sinh viên nhận diện các vấn đề về độ tin
21.	Khởi nghiệp	3	Học phần Khởi nghiệp cung cấp bức tranh toàn cảnh về hành trình biến ý tưởng thành dự án thực tế thông qua việc tích hợp hai phương pháp luận cốt lõi là Design Thinking và Lean Startup. Môn học bắt đầu bằng tư duy Design Thinking để thấu hiểu người dùng và sáng tạo giải pháp, sau đó áp dụng Lean Startup nhằm xây dựng sản phẩm khả thi tối thiểu (MVP), thử nghiệm thị trường và cải tiến liên tục. Sinh viên tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh (BMC), lập kế hoạch tài chính, quản trị rủi ro và đặc biệt là rèn luyện kỹ năng trình bày dự án (pitching) chuyên nghiệp để thuyết phục nhà đầu tư. Học phần còn chú trọng kỹ năng truyền tải câu chuyện sản phẩm (storytelling), thiết kế slide gọi vốn thu hút và phản biện linh hoạt trước các chuyên gia. Tất cả được đúc kết qua dự án thực hành, giúp người học vừa nắm vững tư duy vận hành linh hoạt, vừa tự tin khởi nghiệp thành công.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
22.	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 1	3	Học phần Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung học phần bao gồm hệ thống các từ vựng thiết yếu và các cấu trúc ngữ pháp sơ cấp thông qua những chủ đề gần gũi với đời sống hằng ngày như chào hỏi, mua sắm, ăn uống,...Bên cạnh đó, thông qua các tư liệu trực quan và ví dụ ngắn gọn, học phần giúp người học dễ dàng hiểu và nắm bắt được những đặc điểm cơ bản của cấu trúc câu tiếng Hàn như trật tự từ và sự biến đổi hình thái, từ đó hình thành nền tảng kiến thức cần thiết cho việc học tập và giao tiếp bằng tiếng Hàn.
23.	Nghe - Đọc tiếng Hàn 1	3	Học phần Nghe - Đọc tiếng Hàn 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Hàn nền tảng thông qua các chủ đề quen thuộc như chào hỏi, giới thiệu bản thân và giao tiếp đơn giản trong đời sống hằng ngày. Người học được rèn luyện kỹ năng đọc và nghe cơ bản thông qua các văn bản, hội thoại ngắn cùng nhiều hoạt động thực hành đa dạng, từ đó hình thành hứng thú học tập và phát triển năng lực tiếp nhận ngôn ngữ ở trình độ sơ cấp.
24.	Nói - Viết tiếng Hàn 1	3	Nói - Viết tiếng Hàn 1 là học phần giúp người học phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Hàn thông qua các chủ đề đời sống quen thuộc như sử dụng cơ quan công cộng, hẹn gặp. Đối với kỹ năng nói, người học được học cách giao tiếp theo từng tình huống cụ thể như đưa ra đề xuất, từ chối thông qua hoạt động đóng vai và thảo luận, đồng thời nắm vững cách sử dụng đúng kính ngữ và lối nói thân mật. Đối với kỹ năng viết, người học trực tiếp thực hành viết các văn bản mang tính ứng dụng như nhật ký, thư, thông báo, qua đó phát triển khả năng viết đoạn văn có tính liên kết và logic.
25.	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 2	3	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần giúp người học phát triển năng lực giao tiếp thông qua việc trang bị vốn từ vựng và ngữ pháp thuộc các

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			chủ đề gần gũi và thiết thực như sử dụng cơ quan công cộng, hẹn gặp, đưa ra đề xuất, quản lý sức khỏe,... Đồng thời, học phần cung cấp hệ thống các cấu trúc liên kết câu, các loại đuôi câu và nền tảng xây dựng câu phức. Thông qua học phần, sinh viên phát triển khả năng lựa chọn và sử dụng từ vựng, ngữ pháp phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp bao gồm cả trong văn phong trang trọng và không trang trọng.
26.	Nghe - Đọc tiếng Hàn 2	3	Học phần Nghe - Đọc tiếng Hàn 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng tiếp nhận ngôn ngữ thông qua các chủ đề đời sống mở rộng như sử dụng dịch vụ công cộng (ngân hàng, bệnh viện), kế hoạch cuối tuần và các cuộc hẹn. Bên cạnh đó, thông qua các văn bản thực tế như văn bản hướng dẫn, thời gian biểu, thiệp mời, người học được rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin cần thiết một cách chính xác; đồng thời kết hợp với việc nghe nhiều đoạn hội thoại khác nhau nhằm hiểu được ý định của người nói và ngữ cảnh diễn ngôn, từ đó phát triển năng lực giao tiếp xã hội cơ bản.
27.	Nói - Viết tiếng Hàn 2	3	Học phần Nói - Viết tiếng Hàn 2 tập trung phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Hàn thông qua các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày như sử dụng dịch vụ công cộng, sắp xếp cuộc hẹn và các tình huống giao tiếp xã hội cơ bản. Trong phần nói, người học được rèn luyện khả năng giao tiếp theo ngữ cảnh thông qua các hoạt động đóng vai và thảo luận, đồng thời học cách sử dụng phù hợp các biểu thức đề nghị, từ chối, kính ngữ và lối nói thân mật. Trong phần viết, người học thực hành xây dựng các văn bản mang tính ứng dụng như nhật ký, thư từ, thông báo và các dạng văn bản giao tiếp thông dụng khác, qua đó phát triển khả năng viết đoạn văn có tính liên kết, mạch lạc và logic bằng tiếng Hàn.
28.	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 3	3	Học phần Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT của Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung học phần bao gồm các chủ đề thực tiễn như thói quen sinh hoạt, tư vấn và các tình huống giao tiếp thường

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			gặp. Người học được tiếp cận các từ Hán Hàn, thành ngữ, quán dụng ngữ và hình thức nói gián tiếp ở trình độ trung cấp nhằm phát triển khả năng diễn đạt chính xác, linh hoạt và phù hợp với ngữ cảnh. Qua đó, học phần giúp người học từng bước nâng cao năng lực truyền đạt thông tin, trình bày quan điểm cá nhân và thuyết phục người khác trong các tình huống giao tiếp.
29.	Nghe - Đọc tiếng Hàn 3	3	Học phần Nghe - Đọc tiếng Hàn 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc. Học phần đi sâu vào các chủ đề phản ánh những đặc điểm xã hội và văn hóa của Hàn Quốc như thói quen sinh hoạt, phương tiện giao thông công cộng và các loại tai nạn thường gặp. Thông qua các dạng văn bản đa dạng như bài báo, bài thuyết trình, thư điện tử người học được rèn luyện khả năng phân tích mối liên hệ logic giữa các đoạn văn. Đồng thời người học nâng cao khả năng hiểu biết văn hóa thông qua các tài liệu nghe như phỏng vấn, chương trình phát thanh cùng với biểu đồ và tư liệu thực tế.
30.	Nói - Viết tiếng Hàn 3	3	Học phần Nói - Viết tiếng Hàn 3 tập trung phát triển năng lực nói và viết tiếng Hàn ở trình độ trung cấp thông qua các chủ đề như quan hệ láng giềng, tư vấn, xử lý sự cố và các tình huống giao tiếp xã hội đa dạng. Trong phần nói, người học được rèn luyện khả năng sử dụng lối dẫn gián tiếp để bày tỏ sự đồng cảm, đưa ra nhận xét, phê bình và giải quyết xung đột một cách phù hợp với từng ngữ cảnh giao tiếp. Trong phần viết, người học thực hành các bước xây dựng văn bản từ lập dàn ý đến hoàn thiện nội dung; đồng thời vận dụng các đuôi câu và từ nối ở trình độ trung cấp nhằm tăng tính liên kết và mạch lạc giữa các câu, các đoạn văn. Thông qua đó, người học có khả năng xây dựng các văn bản thực tiễn như thư điện tử, bản đề xuất và các loại văn bản ứng dụng khác theo cấu trúc mở bài - thân bài - kết luận rõ ràng và logic.
31.	Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 4	3	Học phần Từ vựng - Ngữ pháp tiếng Hàn 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức từ vựng và ngữ pháp trung cấp gắn với các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và công nghệ thông tin. Bên cạnh việc rèn luyện khả năng sử dụng các biểu hiện tình thái và cấu trúc trích dẫn trong giao tiếp, học phần còn chú trọng phát triển năng lực lập luận logic, trình bày quan điểm cá nhân và tư duy phản biện. Thông qua các hoạt động đọc hiểu, phân tích và xử lý thông tin, người học được hình thành năng lực tiếp nhận, đánh giá và vận dụng thông tin một cách hiệu quả.
32.	Nghe - Đọc tiếng Hàn 4	3	Học phần Nghe - Đọc tiếng Hàn 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc.Học phần tập trung vào các chủ đề mang tính chuyên môn và trừu tượng như chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ thông tin. Thông qua việc tiếp cận các văn bản có độ phức tạp cao, người học được rèn luyện khả năng nhận diện cấu trúc văn bản, phân tích luận điểm và luận cứ của tác giả, từ đó phát triển năng lực phân tích. Bên cạnh đó, học phần sử dụng các tư liệu nghe chuyên sâu như phỏng vấn và thảo luận để giúp người học nâng cao khả năng suy luận ý nghĩa hàm ẩn và nhận biết thái độ của người nói trong các ngữ cảnh giao tiếp đa dạng.
33.	Nói - Viết tiếng Hàn 4	3	Học phần Nói - Viết tiếng Hàn 4 tập trung hoàn thiện năng lực nói và viết tiếng Hàn ở trình độ trung cao cấp thông qua các chủ đề thời sự phức tạp thuộc các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, công nghệ thông tin và xã hội. Trong phần nói, người học được rèn luyện khả năng sử dụng thuật ngữ chuyên môn và các phương thức diễn đạt phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp chính thức để thực hiện thuyết trình, tranh luận và trao đổi về các vấn đề thời sự. Trong phần viết, người học vận dụng các cấu trúc ngữ pháp cao cấp để xây dựng các văn bản chuyên sâu như bài nghị luận, xã luận, báo cáo thống kê và các dạng văn bản học thuật khác theo bố cục logic, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Qua đó, học phần góp phần phát triển năng lực giao tiếp học thuật và nghề nghiệp bằng tiếng Hàn, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường chuyên môn.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
34.	Tiếng Hàn nâng cao 1 (Từ vựng - Ngữ pháp	3	Học phần Tiếng Hàn nâng cao 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần tập trung vào kiến thức từ vựng và ngữ pháp nâng cao gắn với các chủ đề như lịch sử, khoa học, kiến trúc, giáo dục, xã hội. Nội dung học phần chú trọng rèn luyện việc sử dụng đa dạng các cấu trúc liên kết, cấu trúc trích dẫn và câu nhấn mạnh ở mức độ nâng cao, qua đó phát triển năng lực phân tích thông tin và đưa ra nhận xét, đánh giá.
35.	Tiếng Hàn nâng cao 2 (Nghe - Đọc)	3	Học phần Tiếng Hàn nâng cao 2 (Nghe - Đọc) là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc. Học phần tập trung vào các chủ đề mang tính chuyên môn và trừu tượng như chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ thông tin. Thông qua việc tiếp cận các văn bản có độ phức tạp cao, người học được rèn luyện khả năng nhận diện cấu trúc văn bản, phân tích luận điểm và luận cứ của tác giả, từ đó phát triển năng lực phân tích. Bên cạnh đó, học phần sử dụng các tư liệu nghe chuyên sâu như phỏng vấn và thảo luận để giúp người học nâng cao khả năng suy luận ý nghĩa hàm ẩn và nhận biết thái độ của người nói trong các ngữ cảnh giao tiếp đa dạng.
36.	Tiếng Hàn nâng cao 3 (Nói - Viết)	3	Học phần Tiếng Hàn nâng cao 3 (Nói - Viết) tập trung phát triển năng lực nói và viết tiếng Hàn ở trình độ cao cấp thông qua các chủ đề xã hội chuyên sâu thuộc các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, công nghệ thông tin và các vấn đề thời sự đương đại. Trong phần nói, người học được rèn luyện khả năng sử dụng thuật ngữ chuyên môn để thực hiện thuyết trình, trao đổi và thảo luận về các vấn đề thời sự trong bối cảnh học thuật và nghề nghiệp. Trong phần viết, người học vận dụng các cấu trúc ngữ pháp cao cấp để xây dựng các văn bản chuyên môn như bài nghị luận, báo cáo thống kê, đề án và các dạng văn bản chuyên sâu khác theo bố cục logic, chặt chẽ và có tính thuyết phục. Qua đó, học phần góp phần nâng cao năng lực giao tiếp học thuật và nghề nghiệp bằng tiếng Hàn, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường chuyên môn.
37.	Tiếng Hàn báo chí truyền thông	3	Học phần Tiếng Hàn báo chí truyền thông tập trung vào phát triển kỹ năng đọc hiểu,

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nghe hiểu các bản tin thời sự thông qua hoạt động đọc, nghe, phân tích và dịch các văn bản báo chí trong giáo trình "Đọc thời sự Hàn Quốc dành cho người học tiếng Hàn" và các video tin tức của các đài truyền hình Hàn Quốc. Thông qua các chủ đề thời sự mang tính thực tiễn học phần giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng lĩnh vực báo chí, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Hàn trong lĩnh vực truyền thông, phát triển tư duy phân tích nội dung và khả năng dịch thuật phù hợp với từng ngữ cảnh cụ thể.
38.	Đàm thoại tiếng Hàn	2	Đàm thoại tiếng Hàn là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành chính trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức về khái niệm và đặc điểm của đàm thoại, tính liên kết và mạch lạc trong văn bản, vai trò của ngữ pháp, từ vựng và ngữ điệu trong việc tạo lập đàm thoại, cũng như sự khác biệt giữa khẩu ngữ và văn viết và yếu tố văn hóa. Học phần giúp người học nâng cao khả năng phân tích, xây dựng đàm thoại logic, phù hợp ngữ cảnh, đồng thời vận dụng vào giao tiếp và giảng dạy tiếng Hàn hiệu quả.
39.	Biên dịch Hàn - Việt cơ bản	3	Biên dịch Hàn - Việt cơ bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành chính trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về biên dịch, cung cấp nền tảng về nguyên tắc, phương pháp và kỹ thuật biên dịch ở mức độ cơ bản, giúp người học rèn luyện kỹ năng phân tích văn bản nguồn, xử lý thuật ngữ và đảm bảo tính chính xác, trôi chảy trong bản dịch. Ngoài ra, học phần còn hỗ trợ người học tiếp cận và sử dụng các công cụ dịch thuật hiện đại, cũng như định hướng khả năng đánh giá, chỉnh sửa và hoàn thiện bản dịch theo tiêu chuẩn chuyên nghiệp.
40.	Phiên dịch Hàn - Việt cơ bản	3	Học phần Phiên dịch Hàn - Việt cơ bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành chính trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng phiên dịch thông qua dịch các đoạn hội thoại ngắn, tình huống giao tiếp cơ bản gắn với đời sống sinh hoạt hằng ngày thuộc nhiều chủ đề quen

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			thuộc như bưu điện, bệnh viện, mua sắm, thể thao. Thông qua học phần sinh viên không chỉ nâng cao năng lực phiên dịch mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp, phản xạ ngôn ngữ và tác phong chuyên nghiệp trong hoạt động phiên dịch. Đây là nền tảng quan trọng giúp sinh viên tiếp tục học tập và phát triển ở các học phần phiên dịch nâng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyên ngành như thương mại và kinh tế.
41.	Thực hành chỉnh sửa phát âm tiếng Hàn	3	Thực hành chỉnh sửa phát âm tiếng Hàn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành chính của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần được thiết kế nhằm chẩn đoán chính xác và sửa lỗi phát âm tiếng Hàn của người học, từ đó tối đa hóa năng lực giao tiếp. Dựa trên kiến thức đã học trước đó về hệ thống âm vị tiếng Hàn, học phần tiến hành phân tích chi tiết các lỗi liên quan đến phụ âm, nguyên âm, cấu trúc âm tiết và các quy tắc âm vị. Đặc biệt, học phần xem xét nguyên nhân lỗi phát âm theo hiện tượng ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ của người học và theo từng giai đoạn tiếp thu ngôn ngữ.
42.	Giao tiếp liên văn hóa	2	Giao tiếp liên văn hóa là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành chính của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về giao tiếp liên văn hóa, sự khác biệt văn hóa, bản sắc và vai trò của giao tiếp ngôn ngữ - phi ngôn ngữ trong các bối cảnh như giáo dục và kinh doanh. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nhận diện khác biệt văn hóa, điều chỉnh hành vi giao tiếp phù hợp trong môi trường đa văn hóa, và vận dụng vào học tập, công việc, đặc biệt trong bối cảnh giao tiếp Hàn - Việt.
43.	Hán tự Tiếng Hàn	3	Hán tự tiếng Hàn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành chính trong CTĐT của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung chính tập trung vào việc nghiên cứu mối quan hệ giữa chữ Hán và hệ thống từ vựng tiếng Hàn. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thực tiễn thông qua việc phân tích ngữ nghĩa, phân biệt các từ đồng âm khác nghĩa và ứng dụng kiến thức Hán tự để mở rộng vốn từ vựng cao cấp, giúp nâng cao năng lực đọc hiểu và diễn đạt văn bản chuyên sâu cho người học.

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
44.	Xã hội Hàn Quốc	2	Học phần Xã hội Hàn Quốc là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung học phần tập trung phân tích các đặc trưng văn hóa xã hội tiêu biểu như chủ nghĩa gia đình, chủ nghĩa tập thể và cá nhân, cũng như cách giao tiếp trong xã hội Hàn Quốc. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến sự khác biệt văn hóa giữa các thế hệ, đời sống thường nhật như tình yêu, hôn nhân, giải trí và văn hóa. Ngoài ra, các vấn đề xã hội hiện đại như đa văn hóa, di cư quốc tế, sự thay đổi của nông thôn và tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng được phân tích
45.	Lịch sử Hàn Quốc	2	Lịch sử Hàn Quốc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành chính trong CTĐT của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp cái nhìn hệ thống về tiến trình lịch sử của đất nước Hàn Quốc từ thời cổ đại đến hiện đại, qua các giai đoạn tiêu biểu như Tam Quốc, Goryeo, Joseon và hiện đại. Sinh viên sau khi hoàn thành học phần có thể nắm vững các giai đoạn lịch sử chính, hiểu mối liên hệ giữa lịch sử - văn hóa - xã hội, và vận dụng vào học tập chuyên ngành cũng như giao tiếp liên văn hóa Hàn - Việt.
46.	Văn học Hàn Quốc	2	Văn học Hàn Quốc học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành chính trong CTĐT của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung chính tập trung vào việc nghiên cứu các đặc điểm cơ bản và tiến trình phát triển của văn học Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các thể loại văn học tiêu biểu như thơ ca, tiểu thuyết, kịch và các tác giả, tác phẩm quan trọng trong từng thời kỳ lịch sử. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện kỹ năng thực tiễn thông qua việc phân tích giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản văn học, từ đó giúp người học thấu hiểu sâu sắc hơn về tâm hồn, đời sống và bối cảnh xã hội của con người Hàn Quốc qua các thời đại.
47.	Văn hóa đại chúng Hàn Quốc	2	Học phần Văn hoá đại chúng Hàn Quốc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung học phần gồm các chủ đề gần gũi với đời sống, phân theo bốn lĩnh vực chính: ẩm thực, đời sống, xã hội - lịch sử và làn sóng Hàn Quốc (Hallyu), qua đó phản ánh đặc trưng văn hoá, lối

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			sống và các giá trị xã hội của người Hàn Quốc. Thông qua học phần, sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá các hiện tượng văn hoá đại chúng Hàn Quốc, vận dụng kiến thức đã học để so sánh văn hoá Hàn Quốc với văn hoá Việt Nam.
48.	Tiếng Hàn Marketing	3	Tiếng Hàn Marketing là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, theo định hướng Tiếng Hàn thương mại của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần trang bị cho người hoc hệ thống từ vựng và biểu đạt tiếng Hàn trong lĩnh vực kinh doanh và marketing, bao gồm các nội dung như yếu tố và chiến lược kinh doanh, cơ cấu tổ chức, lãnh đạo, quản trị nhân sự và marketing. Người học được rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Hàn trong các tình huống thực tiễn như phân tích thị trường, xây dựng chiến lược và giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp.
49.	Tiếng Hàn thương mại	3	Tiếng Hàn thương mại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, theo định hướng tiếng Hàn thương mại trong CTĐT của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, đặc biệt tập trung vào kiến thức và kỹ năng liên quan đến công tác hành chính văn phòng trong môi trường thương mại Việt - Hàn. Thông qua học phần, sinh viên được phát triển năng lực sử dụng tiếng Hàn trong môi trường công sở, có khả năng làm việc trong các tổ chức thương mại trong và ngoài nước. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức nền tảng về nghiệp vụ kinh doanh, góp phần định hướng và hỗ trợ cho công việc chuyên môn của sinh viên trong tương lai.
50.	Tiếng Hàn thư tín thương mại	3	Tiếng Hàn thư tín thương mại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu định hướng Tiếng Hàn thương mại của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng soạn thảo, xử lý các loại văn bản hành chính - thương mại bằng tiếng Hàn trong môi trường doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên nắm vững cấu trúc, ngôn ngữ và quy chuẩn trình bày của các loại văn bản như báo cáo, email, biên bản cuộc họp, ghi chú điện thoại... Thông qua học phần, sinh viên rèn luyện

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			kỹ năng viết chính xác, rõ ràng và phù hợp ngữ cảnh; kỹ năng tổ chức, tóm tắt và truyền đạt thông tin; cũng như khả năng xử lý tình huống công việc bằng văn bản một cách chuyên nghiệp, hiệu quả trong môi trường sử dụng tiếng Hàn.
51.	Tiếng Hàn du lịch	3	Tiếng Hàn du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, định hướng Tiếng Hàn thương mại trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung những kiến thức cơ bản về quản trị dịch vụ du lịch. Thông qua học phần, sinh viên được phát triển năng lực sử dụng tiếng Hàn trong lĩnh vực du lịch, có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn trong và ngoài nước. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức nền tảng về nghiệp vụ trong lĩnh vực dịch vụ như nghiệp vụ khách sạn, quản trị khách sạn, nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch và quản trị du lịch.
52.	Tiếng Hàn tài chính kế toán	3	Tiếng Hàn tài chính kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu định hướng Tiếng Hàn thương mại trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng và biểu hiện thường dùng trong lĩnh vực tài chính kế toán bằng tiếng Hàn. Qua đó, sinh viên làm quen với các thuật ngữ kế toán cơ bản, hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các tình huống giao tiếp trong môi trường kế toán bằng tiếng Hàn. Học phần còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc - hiểu tài liệu chuyên ngành, viết các loại văn bản đơn giản và thực hành hội thoại tiếng Hàn trong ngữ cảnh kế toán - tài chính thực tế.
53.	Biên dịch Hàn - Việt nâng cao	3	Biên dịch Hàn - Việt nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu định hướng Tiếng Hàn thương mại trong chương trình đào tạo của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng biên dịch các loại văn bản hành chính - văn phòng phổ biến trong môi trường doanh nghiệp Hàn Quốc và doanh nghiệp có yếu tố Hàn Quốc. Bên cạnh đó, học phần chú trọng phát triển năng lực xử lý, chỉnh sửa và đánh giá bản dịch; tăng cường khả năng làm việc nhóm, tư duy phân tích và giải

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			quyết vấn đề trong quá trình biên dịch. Đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin và các công cụ hỗ trợ dịch thuật nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng bản dịch, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của môi trường làm việc chuyên nghiệp.
54.	Phiên dịch Hàn - Việt nâng cao	3	Học phần Phiên dịch Hàn - Việt nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu định hướng Tiếng Hàn thương mại của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng phiên dịch nâng cao từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại tập trung trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại. Học phần giúp sinh viên nắm vững các thuật ngữ lĩnh vực kinh tế - thương mại Hàn - Việt và cách sử dụng phù hợp với từng ngữ cảnh; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện khả năng xử lý hiệu quả các tình huống phiên dịch liên quan đến giá cả, hợp đồng, hợp tác đầu tư,...
55.	Giáo dục học tiếng Hàn	3	Giáo dục học tiếng Hàn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, theo định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng cần thiết cho việc giảng dạy tiếng Hàn. Dựa trên cơ sở lý luận của giáo dục tiếng Hàn, sinh viên sẽ được học một cách có hệ thống các phương pháp giảng dạy phát âm, từ vựng, ngữ pháp, cũng như phương pháp giảng dạy theo từng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đặc biệt, bắt đầu từ việc trang bị kiến thức học thuật về đặc điểm cấu trúc và hệ thống của tiếng Hàn, học phần còn giúp người học nắm vững các phương pháp giảng dạy theo từng lĩnh vực và nguyên tắc đánh giá cần thiết trong thực tiễn giảng dạy, từ đó phát triển năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ một cách chuyên nghiệp.
56.	Ngôn ngữ học ứng dụng	3	Ngôn ngữ học ứng dụng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu theo định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần trang bị kiến thức về các nguyên lý và phương pháp áp dụng lý thuyết ngôn ngữ học vào những vấn đề xã hội thực tiễn cũng như trong bối cảnh giảng dạy ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được học các lĩnh vực như lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ, xã hội ngôn ngữ học, tâm lý

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			ngôn ngữ học, ngôn ngữ học đối chiếu. Thông qua đó, sinh viên có thể phát triển khả năng phân tích và giải quyết các hiện tượng đa dạng phát sinh trong môi trường giảng dạy tiếng Hàn. Ngoài ra, học phần còn đi sâu vào quá trình phát triển ngôn ngữ của người học, phân tích lỗi sai và lý thuyết đánh giá. Qua đó, giúp sinh viên hình thành tư duy tổng hợp, có khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ một cách hiệu quả và phù hợp trong thực tiễn công việc.
57.	Thiết kế Giáo án và Thực hành	3	Thiết kế giáo án và Thực hành là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, theo định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần trang bị năng lực thực hành bao gồm khả năng soạn giáo án và kỹ năng tổ chức, vận hành lớp học. Sinh viên sẽ được nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp xây dựng giáo án một cách có hệ thống, có thể áp dụng ngay vào thực tiễn giảng dạy. Bên cạnh đó, thông qua việc dự giờ thực tế để phân tích bài giảng, kết hợp với quá trình dạy thử và thực hành giảng dạy trên lớp, sinh viên sẽ nắm vững toàn bộ quy trình tổ chức một buổi học. Đồng thời, thông qua các hoạt động đánh giá cụ thể và phản hồi chi tiết, sinh có thể nâng cao năng lực giảng dạy thực tiễn một cách hiệu quả.
58.	Lý luận tiếp thu ngoại ngữ	3	Học phần Lý luận tiếp thu ngoại ngữ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung học phần gồm các lý luận tiếp thu ngoại ngữ từ các góc độ nhận thức, tâm lý và khoa học giả thuyết về giai đoạn quyết định sự khác biệt cá nhân của người học và các chiến lược giao tiếp, đồng thời tìm hiểu tiến trình phát triển của các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiện đại. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hiểu rõ những đặc thù trong việc tiếp thu ngoại ngữ, khám phá các phương án giảng dạy phù hợp, qua đó nâng cao năng lực giảng dạy tiếng Hàn cũng như năng lực giao tiếp thực tiễn.
59.	Lý luận đánh giá năng lực Tiếng Hàn	3	Lý luận đánh giá năng lực Tiếng Hàn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, theo định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			dung học phần bao gồm các lý thuyết về nguyên lý đánh giá, các dạng câu hỏi, hệ thống chấm điểm. Đặc biệt, sinh viên sẽ được học chuyên sâu về đánh giá thực tiễn năng lực nói và các tiêu chí phân loại theo từng cấp độ. Bên cạnh đó, thông qua việc phân tích các ví dụ về đánh giá năng lực tiếng Hàn (TOPIK) và làm quen với các công cụ đánh giá trực tuyến mới nhất dựa trên trí tuệ nhân tạo, sinh viên có thể nắm vững toàn bộ quy trình từ phát triển công cụ đánh giá đến phân tích kết quả. Qua đó, hướng tới đào tạo những chuyên gia đánh giá có khả năng thực hiện toàn diện trong lĩnh vực giáo dục tiếng Hàn.
60.	Thiết kế bài giảng Tiếng Hàn	3	Thiết kế bài giảng tiếng Hàn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu, theo định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần nhằm phát triển năng lực thiết kế thực tiễn để có thể lập kế hoạch và vận hành chương trình giảng dạy tiếng Hàn một cách có hệ thống dựa trên các nguyên lý cơ bản của chương trình đào tạo như xác định mục tiêu, lựa chọn và sắp xếp nội dung giảng dạy, sinh viên sẽ được học một cách có hệ thống toàn bộ quy trình từ phân tích nhu cầu người học, xây dựng đề cương giảng dạy, thiết kế kế hoạch giảng dạy, thực hành giảng dạy đến đánh giá. Đặc biệt, thông qua việc rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch bài giảng theo từng buổi học và sử dụng hiệu quả các phương tiện, học liệu giảng dạy, sinh viên có thể đề xuất các chương trình phù hợp với nhiều môi trường giáo dục và đối tượng học khác nhau. Qua đó hình thành năng lực thiết kế bài giảng chuyên nghiệp.
61.	Lý luận giáo trình tiếng Hàn	3	Lý luận giáo trình tiếng Hàn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành sâu theo định hướng Giáo dục tiếng Hàn của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần cung cấp kiến thức về khái niệm, vai trò, đặc điểm và quá trình phát triển của giáo trình tiếng Hàn; đồng thời giới thiệu các nguyên tắc, quy trình xây dựng và phát triển giáo trình trong dạy học tiếng Hàn như một ngoại ngữ. Người học được trang bị kỹ năng phân tích môi trường giảng dạy, nhu cầu người học, thiết kế cấu trúc bài học, biên soạn

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nội dung và xây dựng tài liệu bổ trợ. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các tiêu chí và phương pháp đánh giá giáo trình, giúp người học có khả năng lựa chọn, sử dụng và điều chỉnh giáo trình phù hợp với mục tiêu và bối cảnh giảng dạy. Qua đó, học phần góp phần phát triển năng lực chuyên môn trong thiết kế, khai thác và phát triển giáo trình tiếng Hàn.
62.	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	4	Học phần Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc là học phần thay thế dành cho sinh viên định hướng chuyên ngành Tiếng Hàn thương mại trong trường hợp không thực hiện khóa luận tốt nghiệp của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung học phần tập trung vào các vấn đề như: quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp Hàn Quốc; các đặc trưng tiêu biểu của văn hóa doanh nghiệp; chế độ và quy trình tuyển dụng; văn hóa giao tiếp, ứng xử và các quy tắc, nghi thức trong môi trường công sở. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện và thích nghi với những khác biệt văn hóa, từ đó hạn chế các xung đột và nâng cao sự tự tin khi làm việc trong doanh nghiệp Hàn Quốc.
63.	Tiếng Hàn giao tiếp thương mại	4	Tiếng Hàn giao tiếp thương mại là học phần thay thế dành cho sinh viên định hướng chuyên ngành Tiếng Hàn thương mại trong trường hợp không thực hiện khóa luận tốt nghiệp của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn trong môi trường thương mại Hàn - Việt. Nội dung bao gồm từ vựng, mẫu câu và chiến lược giao tiếp trong các tình huống kinh doanh như giới thiệu doanh nghiệp, trao đổi công việc, đàm phán, ký kết hợp đồng, chăm sóc khách hàng, giao tiếp qua điện thoại và email. Đồng thời, học phần giúp phát triển toàn diện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc.
64.	Phương pháp giảng dạy Văn hóa Hàn Quốc	4	Phương pháp giảng dạy Văn hoá Hàn Quốc là học phần thay thế dành cho sinh viên định hướng chuyên ngành Giáo dục tiếng Hàn trong trường hợp không thực hiện khóa luận tốt nghiệp của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Nội dung chính tập trung vào việc

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nghiên cứu các nguyên lý và phương pháp tích hợp yếu tố văn hóa vào giảng dạy ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các thành phần văn hóa hữu hình và vô hình, cách lựa chọn nội dung văn hóa phù hợp với từng trình độ năng lực tiếng Hàn và đối tượng người học. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện kỹ năng thực tiễn thông qua việc phân tích các giáo trình văn hóa, thiết kế các hoạt động trải nghiệm thực tế và xây dựng giáo án giảng dạy văn hóa nhằm nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa cho người học.
65.	Quy phạm ngôn ngữ Tiếng Hàn	4	Quy phạm ngôn ngữ Tiếng Hàn là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành của định hướng Giáo dục tiếng Hàn, ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Học phần tập trung học tập một cách hệ thống về 4 quy tắc ngôn ngữ thiết yếu (Quy tắc chính tả Hangeul, Quy định về từ tiêu chuẩn, Quy tắc phát âm chuẩn, Quy tắc viết từ ngoại lai) nhằm truyền đạt tiếng Hàn chính xác cho người học trong các môi trường giáo dục tiếng Hàn. Mục tiêu của học phần không chỉ dừng lại ở việc ghi nhớ các quy tắc tiếng Hàn, mà còn nuôi dưỡng năng lực giảng dạy để có thể giải thích các nguyên lý quy phạm một cách dễ hiểu thông qua việc liên hệ với các lỗi sai mà người học nước ngoài thường mắc phải.
66.	Thực tập tốt nghiệp (Định hướng Giáo dục tiếng Hàn)	4	Sinh viên được hướng dẫn học tập và thực hành nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục, trung tâm ngoại ngữ hoặc đơn vị có hoạt động đào tạo tiếng Hàn. Tại cơ sở thực tập, sinh viên dự giờ, tham gia tổ chức các hoạt động dạy và học tiếng Hàn, thực hành kỹ năng quản lý lớp học, giao tiếp sư phạm, thiết kế học liệu, soạn giáo án và thực hành giảng dạy tiếng Hàn dưới sự hướng dẫn của giáo viên/giảng viên phụ trách. Qua đó, sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đã được trang bị để từng bước hình thành năng lực tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học tiếng Hàn trong môi trường thực tế.
67.	Thực tập tốt nghiệp (Định hướng Tiếng Hàn thương mại)	4	Sinh viên được hướng dẫn học tập và thực hành nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan có sử dụng tiếng Hàn trong hoạt động chuyên môn. Tại đơn vị thực tập,

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			sinh viên tham gia các nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn được đào tạo như biên, phiên dịch tiếng Hàn; soạn thảo, xử lý và biên tập văn bản, thư tín thương mại bằng tiếng Hàn; giao tiếp và trao đổi công việc với đối tác, khách hàng; hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu, đối ngoại và hành chính có sử dụng tiếng Hàn Qua đó, sinh viên vận dụng kiến thức tiếng Hàn và kiến thức thương mại vào thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp trong môi trường thực tế.
68.	Khóa luận tốt nghiệp (Định hướng Giáo dục tiếng Hàn)	8	Khóa luận tốt nghiệp là học phần thuộc chuyên đề tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của tất cả các ngành. Trên cơ sở kết quả đạt được từ chuyên đề tổng hợp trong suốt quá trình học tập, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên được thực hiện một đề tài khoa học (khóa luận) về lĩnh vực được đào tạo, theo sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên hoàn thành khoá luận tốt nghiệp về một đề tài nhất định thuộc chuyên ngành. Kết quả khóa luận sẽ được đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn.
69.	Khóa luận tốt nghiệp (Định hướng Tiếng Hàn thương mại)	8	Khóa luận tốt nghiệp là học phần thuộc chuyên đề tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của tất cả các ngành. Trên cơ sở kết quả đạt được từ chuyên đề tổng hợp trong suốt quá trình học tập, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên được thực hiện một đề tài khoa học (khóa luận) về lĩnh vực được đào tạo, theo sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên hoàn thành khoá luận tốt nghiệp về một đề tài nhất định thuộc chuyên ngành. Kết quả khóa luận sẽ được đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với mới trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;

- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh - Đào tạo - Việc làm";

- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;

- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;

- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

DUYỆT	**TRƯỞNG KHOA**
Q. HIỆU TRƯỞNG	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS.TS. Vũ Kim Bảng**